TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH TTH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 09 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 929/2022/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa:

- ***Nguyên đơn****:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Mậu Tài, xã PM, Thành phố H, tỉnh TTH; chỗ ở hiện nay: Thôn Tri C1, xã DliÊ Yang, huyện E, tỉnh ĐL.

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Minh A, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Mậu Tài, xã PM, Thành phố H, tỉnh TTH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Minh A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Minh A có 03 con chung tên là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 02/10/2010, Trần Thị Bình M, sinh ngày 20/4/2011 và Trần Thị Mỹ N, sinh ngày 26/10/2019. Hiện nay, cháu N, cháu M đang sống cùng với chị B, cháu N đang sống cùng với anh Minh A.

Nay ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau:

Giao cháu Trần Thị Bình M, sinh ngày 20/4/2011 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Giao cháu Trần Thị Hồng N, sinh ngày 02/10/2010 và cháu Trần Thị Mỹ N, sinh ngày 26/10/2019 cho anh Minh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); không ai cấp dưỡng tiền nuôi con đối với người con mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Minh A đều công nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và anh Trần Minh A phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, nhưng chị B và anh Minh A tự nguyện thỏa thuận chị B chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, nên hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng căn cứ biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005347 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H, tỉnh TTH.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TTH;
- VKSND Thành phố H;
- CC THADS Thành phố H;
- UBND p. DliÊ Yang, huyện E;
(ĐKKH số 35, Quyển số 01 ngày 28/7/2010)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê